

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 - 38
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu vui chơi giải trí
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); quản lý dự án; tư vấn về quản lý kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 20/02/2023
		Từ ngày 23/6/2022 đến ngày 08/8/2022
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Tổng Giám đốc	Từ ngày 08/8/2022 đến ngày 20/02/2023
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm tại ngày 23/6/2022
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Nhật

Số : 23. 1 /2023/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2023-152-1

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2023-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		651.772.420.148	358.934.931.217
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		577.330.783	288.005.943
1.	Tiền	111	V.01	577.330.783	288.005.943
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		240.663.411.370	38.650.740.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.02	240.663.411.370	38.650.740.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295.876.306.766	233.305.511.085
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	282.400.014.660	13.742.793.228
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	21.583.995.841	216.177.118.568
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	353.898.315	11.845.870.500
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(8.461.602.050)	(8.460.271.211)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	111.467.088.370	86.512.880.494
1.	Hàng tồn kho	141		111.467.088.370	87.994.922.106
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(1.482.041.612)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.188.282.859	177.793.695
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	106.025.201	117.697.153
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.082.257.658	60.096.542
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.967.369.295.095	2.518.659.497.072
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		325.228.358.000	375.431.230.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	325.228.358.000	375.431.230.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		6.075.871.116	103.444.583
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	103.790.250	103.444.583
	- Nguyên giá	222		9.091.747.272	9.060.838.181
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.987.957.022)	(8.957.393.598)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	4.026.667.835	-
	- Nguyên giá	225		4.242.432.728	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(215.764.893)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.945.413.031	-
	- Nguyên giá	228		2.051.894.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(106.480.969)	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		4.727.852.100	1.412.080.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.727.852.100	1.412.080.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	2.630.916.015.121	2.141.623.549.395
1.	Đầu tư vào công ty con	251		2.571.438.197.297	1.667.639.197.297
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		114.050.000.000	534.957.137.647
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		800.244.536	2.020.244.536
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(55.372.426.712)	(62.993.030.085)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		421.198.758	89.193.094
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	421.198.758	89.193.094
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.619.141.715.243	2.877.594.428.289

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.511.818.049.085	777.447.683.513
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.509.230.899.877	358.048.054.216
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	173.061.026.189	97.329.181.248
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.046.494.681.768	168.683.298.211
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	352.801.619	887.681.816
4.	Phải trả người lao động	314		2.565.760.139	1.892.815.860
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	894.976.182	5.107.880.106
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	324.323.863	324.323.861
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.027.821.515	1.352.492.998
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	283.793.990.142	81.754.861.656
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		715.518.460	715.518.460
II.	Nợ dài hạn	330		2.587.149.208	419.399.629.297
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14	-	222.931.080.130
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17	153.132.500	153.132.500
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	2.434.016.708	196.315.416.667
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.107.323.666.158	2.100.146.744.776
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.107.323.666.158	2.100.146.744.776
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		3.721.683.671	3.721.683.671
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.602.032.487	97.425.111.105
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		97.425.111.105	85.869.059.228
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.176.921.382	11.556.051.877
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.619.141.715.243	2.877.594.428.289

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Minh Khôi

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Minh Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	941.762.227.305	914.331.921.656
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	29.400.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		941.762.227.305	914.302.521.656
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	894.893.303.089	887.375.304.419
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.868.924.216	26.927.217.237
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	5.172.876.122	2.524.474.490
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	23.160.122.494	2.569.735.619
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		30.660.694.485	5.401.799.653
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.597.785.547	3.947.969.119
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	22.468.440.138	11.487.055.958
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.815.452.159	11.446.931.031
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	2.477.709.060	139.269.771
12.	Chi phí khác	32	VI.07	116.239.837	30.148.925
13.	Lợi nhuận khác	40		2.361.469.223	109.120.846
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.176.921.382	11.556.051.877
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.176.921.382	11.556.051.877

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Khôi



Nguyễn Thị Vân Anh



Nguyễn Minh Nhật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		7.176.921.382	11.556.051.877
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		352.809.286	9.843.598
-	Các khoản dự phòng	03		(9.101.314.146)	(2.858.066.134)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		25.716	384.537
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.172.850.406)	(2.524.474.490)
-	Chi phí lãi vay	06		30.660.694.485	5.417.216.320
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		23.916.286.317	11.600.955.708
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		233.619.884.364	(383.407.051.768)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.472.166.264)	(11.142.151.950)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		725.136.885.212	132.840.148.906
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(320.333.712)	(76.029.040)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(202.012.671.370)	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(31.126.349.750)	(4.703.528.796)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		725.741.534.797	(254.887.656.940)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.464.738.464)	(1.525.368.181)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(906.079.000.000)	(347.440.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		175.275.837.647	382.117.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.507.988.053	9.834.210
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(731.759.912.764)	33.161.466.029

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		225.241.017.145	302.639.241.965
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(218.933.288.622)	(81.199.381.609)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.307.728.523	221.439.860.356
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		289.350.556	(286.330.555)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		288.005.943	574.721.035
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.716)	(384.537)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		577.330.783	288.005.943

Người lập biểu



Nguyễn Minh Khôi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Nhật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu vui chơi giải trí
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); quản lý dự án; tư vấn về quản lý kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Tầng 3, Số 108 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	83,01	83,01	60,00
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	92,72	92,72	92,72
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	82,75	82,75	82,75
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel – Alphanam (*)	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100,00	80,00	80,00
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	73,04	73,04	72,50

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	Số 79 đường Violet, Thị trấn Sa Pa, Huyện Sa Pa, Lào Cai	76,15	76,15	85,72
+ Công ty CP Foodinco Quy Nhơn	76 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	68,20	68,20	74,39
+ Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	Số 75 Nguyễn Thái Học, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	67,00	67,00	-

(*) Trong năm 2022, Công ty đang tạm dừng hoạt động kinh doanh.

- Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần WWB Alphanam (*)	Số nhà 35 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thị xã Đông Xoài, Bình Phước	-	-	40,00
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam (**)	Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	-	-	26,10
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyên	583 Võ Văn Kiệt, Phường Yên Thế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	19,33	19,33	20

(*) Đến ngày 10 tháng 02 năm 2022, Công ty đã có thông báo chấp thuận giải thể của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

(**) Trong năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 53 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Công ty là Công ty mẹ của các Công ty con. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 06 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và xây lắp.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	577.330.783	288.005.943
+ <i>Tiền mặt</i>	50.176.084	21.654.399
+ <i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</i>	527.154.699	266.351.544
Cộng	577.330.783	288.005.943

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn ⁽¹⁾	105.852.711.370	(*)	38.650.740.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây ⁽²⁾	134.810.700.000	(*)	-	-
Cộng	240.663.411.370		38.650.740.000	

(1) Trong năm 2022, Công ty mua thêm 4.055.641 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn với mục đích kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty sở hữu 7.920.715 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

(2) Trong năm, Công ty mua 11.825.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây với mục đích kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty sở hữu 11.825.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	2.571.438.197.297		1.667.639.197.297	
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	526.229.816.420	589.910.289.000	36.229.816.420	220.755.066.000
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	128.880.000.000	(*)	28.880.000.000	(*)
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	222.195.382.508	(*)	222.195.382.508	(*)
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel – Alphanam	402.048.369	(*)	402.048.369	(*)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	657.349.000.000	(*)	580.000.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	436.573.950.000	(*)	422.143.950.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	197.788.000.000	(*)	77.788.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	402.020.000.000	(*)	-	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	114.050.000.000		534.957.137.647	
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	110.250.000.000	(*)	10.250.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	-	-	120.000.000	(34.674.307)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	-	-	424.287.137.647	(*)
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyên	3.800.000.000	(*)	300.000.000	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào đơn vị khác	800.244.536	(244.536)	2.020.244.536	(244.536)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng 565	244.536	(244.536)	244.536	(244.536)
+ Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	-	-	2.020.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Bắc	800.000.000	-	-	-
Cộng	2.686.288.441.833	(55.372.426.712)	2.204.616.579.480	(62.993.030.085)
			589.910.289.00	
				220.755.066.0

Giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam E&C được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết về các Công ty con, Công ty liên kết tại ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty con, Công ty liên kết	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư (VND)	Giá trị vốn góp theo mệnh giá (VND)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty con					
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	652.000.000.000	541.202.100.000	83,01	83,01	Kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	139.000.000.000	128.880.000.000	92,72	92,72	Sản xuất, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa thang máy
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	223.877.000.000	185.256.990.000	82,75	82,75	Đầu tư kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel – Alphanam	402.048.000	402.048.000	80	100	Đang đăng ký tạm dừng hoạt động kinh doanh
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	900.000.000.000	657.349.000.000	73,04	73,04	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	573.302.520.050	436.573.950.000	76,15	76,15	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	290.000.000.000	197.788.000.000	68,20	63,20	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	600.000.000.000	402.020.000.000	67,00	67,00	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
2. Công ty liên kết					
+ Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	315.000.000.000	110.250.000.000	35	35	Sản xuất sơn
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyên	19.659.999.999	3.800.000.000	19,33	19,33	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	282.400.014.660	(7.649.724.050)	13.742.793.228	(7.648.393.211)
- Bà Đỗ Thị Minh Anh	212.976.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Minh Nhật	36.035.300.600	-	-	-
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	332.618.850	-	2.472.618.850	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	1.566.278.331	(1.566.278.331)	1.566.278.331	(1.566.278.331)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	20.302.289.287	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	11.187.528.192	(6.083.445.719)	9.703.896.047	(6.082.114.880)
<i>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	282.400.014.660	(7.649.724.050)	13.742.793.228	(7.648.393.211)

Trong đó:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	249.011.300.000	-	-	-
Cộng	249.011.300.000	-	-	-

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	21.583.995.841	216.177.118.568	21.583.995.841	216.177.118.568
- Công ty TNHH Thiết bị bảo vệ và phát triển công nghệ cao Khải Hoàn	771.878.000	771.878.000	-	-
- Công ty TNHH TOTO Việt Nam	74.210.187	170.039.917	-	-
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	20.058.146.683	214.444.573.312	-	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	679.760.971	790.627.339	-	-
<i>b. Trả trước cho người bán dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	21.583.995.841	216.177.118.568	21.583.995.841	216.177.118.568

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	353.898.315	-	11.845.870.500	-
- Tạm ứng	30.444.857	-	20.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.500.000	-	1.500.000	-
- Phải thu khác	305.953.458	-	11.844.350.500	-
+ Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	303.542.958	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	-	9.072.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	2.410.500	-	2.772.350.500	-
b. Dài hạn	325.228.358.000	-	375.431.230.000	-
- Phải thu khác	325.000.000.000	-	375.431.230.000	-
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	-	-	50.431.230.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên Văn hóa Mường Hoa (*)	325.000.000.000	-	325.000.000.000	-
Cộng	325.582.256.315	-	387.277.100.500	-

(*) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1521/HĐHTKD ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư công viên văn hóa Mường Hoa và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á với Công ty về hợp tác đầu tư và kinh doanh dự án Khu căn hộ No02 có diện tích 33.624,77 m² thuộc dự án Khu đô thị Mường Hoa, Sa Pa. Theo hợp đồng, các bên thống nhất phân chia lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế của dự án theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên (tỷ lệ này sẽ được thống nhất tại một thỏa thuận cụ thể căn cứ trên số vốn góp thực tế của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam và tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án sau khi hoàn thành công tác quyết toán dự án).

06. Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khách hàng	(7.649.724.050)	(7.648.393.211)
- Dự phòng trả trước cho người bán	(811.878.000)	(811.878.000)
Cộng	(8.461.602.050)	(8.460.271.211)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	14.583.800	-	14.583.800	-
- Công cụ, dụng cụ	1.929.900	-	12.244.900	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.538.843.317	-	8.053.976.331	-
- Hàng hoá	48.911.731.353	-	79.914.117.075	(1.482.041.612)
Cộng	111.467.088.370	-	87.994.922.106	(1.482.041.612)

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.683.375.226	1.343.288.477	4.616.262.797	417.911.681	9.060.838.181
- Mua trong năm	-	-	30.909.091	-	30.909.091
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.683.375.226	1.343.288.477	4.647.171.888	417.911.681	9.091.747.272
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.683.375.226	1.343.288.477	4.553.046.395	377.683.500	8.957.393.598
- Khấu hao trong năm	-	-	22.094.328	8.469.096	30.563.424
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.683.375.226	1.343.288.477	4.575.140.723	386.152.596	8.987.957.022
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	63.216.402	40.228.181	103.444.583
2. Tại ngày cuối năm	-	-	72.031.165	31.759.085	103.790.250

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 8.947.550.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Mua trong năm	4.242.432.728	4.242.432.728
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	4.242.432.728	4.242.432.728
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	215.764.893	215.764.893
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	215.764.893	215.764.893
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	4.026.667.835	4.026.667.835

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Mua trong năm	1.949.100.000	102.794.000	2.051.894.000
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	1.949.100.000	102.794.000	2.051.894.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Khấu hao trong năm	103.111.611	3.369.358	106.480.969
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	103.111.611	3.369.358	106.480.969
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	1.845.988.389	99.424.642	1.945.413.031

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	106.025.201	117.697.153
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.991.513	3.393.331
- Các khoản khác	101.033.688	114.303.822
b. Chi phí trả trước dài hạn	421.198.758	89.193.094
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	302.369.972	55.726.947
- Các khoản khác	118.828.786	33.466.147
Cộng	527.223.959	206.890.247

12. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	81.754.861.656	81.754.861.656	380.545.301.242	178.506.172.756	283.793.990.142	283.793.990.142
- Vay ngân hàng	81.254.091.656	81.254.091.656	221.476.827.690	178.306.172.756	124.424.746.590	124.424.746.590
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng ^(a)	64.054.091.656	64.054.091.656	85.317.827.690	81.183.172.756	68.188.746.590	68.188.746.590
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	17.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000	34.400.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Sở giao dịch ^(b)	-	-	118.959.000.000	62.723.000.000	56.236.000.000	56.236.000.000
- Vay đối tượng khác	500.770.000	500.770.000	-	200.000.000	300.770.000	300.770.000
+ Công ty Cổ phần Alphanam - Cienco 4	40.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000	40.000.000
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	260.770.000	-	-	260.770.000	260.770.000
+ Công ty Cổ phần Hemels	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	159.068.473.552	-	159.068.473.552	159.068.473.552
+ Trái phiếu đến hạn trả ^(c)	-	-	158.165.416.672	-	158.165.416.672	158.165.416.672
+ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease-CN Hà Nội	-	-	903.056.880	-	903.056.880	903.056.880

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	196.315.416.667	196.315.416.667	5.614.189.459	199.495.589.418	2.434.016.708	2.434.016.708
- <i>Nợ thuê tài chính</i>	-	-	3.764.189.455	1.330.172.747	2.434.016.708	2.434.016.708
+ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease-CN Hà Nội ^(d)	-	-	3.764.189.455	1.330.172.747	2.434.016.708	2.434.016.708
- <i>Trái phiếu thường</i>	196.315.416.667	196.315.416.667	1.850.000.004	198.165.416.671	-	-
+ Loại phát hành theo mệnh giá	196.315.416.667	196.315.416.667	1.850.000.004	198.165.416.671	-	-
Trong đó:						
<i>Thanh toán trái phiếu</i>				40.000.000.000		
<i>Phân loại trái phiếu đến hạn trả</i>				158.165.416.671		
Cộng	278.070.278.323	278.070.278.323	386.159.490.701	378.001.762.174	286.228.006.850	286.228.006.850

(a) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2022/231354 ngày 18 tháng 8 năm 2022, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC. Hạn mức tín dụng là 85.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng.

(b) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng số 0242-2022-HDDTD1-BVB005 ngày 1 tháng 6 năm 2022, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng, kinh doanh thiết bị vệ sinh, vật liệu xây dựng. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 06 tháng.

(c) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số B220422711 ngày 24 tháng 05 năm 2022. Tài sản thuê là xe ô tô con hiệu Kia Sorento biển kiểm soát: 29LD-319. Thời hạn thuê là 36 tháng.
- Hợp đồng thuê tài chính số B220425511 ngày 29 tháng 05 năm 2022. Tài sản thuê là xe ô tô con hiệu Kia Carnival 29LD-319.36. Thời hạn thuê là 60 tháng.
- Hợp đồng thuê tài chính số B220704911 ngày 14 tháng 09 năm 2022. Tài sản thuê là xe ô tô con hiệu Kia Carnival 29LD-321.25. Thời hạn thuê là 60 tháng.

(d) Là khoản trái phiếu được phát hành riêng lẻ theo phương thức đại lý phát hành. Mục đích để thực hiện chương trình, dự án đầu tư với Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên Văn hóa Mường Hoa và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á để triển khai xây dựng khu xây dựng khu căn hộ No02 có diện tích 33.642,77m² thuộc dự án Khu đô thị Mường Hoa, Sa Pa do Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên Văn hóa Mường Hoa và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á làm chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	173.061.026.189	173.061.026.189	97.329.181.248	97.329.181.248
- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	67.201.971.370	67.201.971.370	-	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	48.881.690.119	48.881.690.119	179.957.644	179.957.644
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	11.789.357.603	11.789.357.603	21.669.357.603	21.669.357.603
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vinacon	-	-	33.516.374.983	33.516.374.983
- Công ty TNHH thương mại xây dựng và lắp đặt ZETA	8.066.506.486	8.066.506.486	11.516.117.073	11.516.117.073
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	19.665.140.751	19.665.140.751	12.991.014.085	12.991.014.085
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	173.061.026.189	173.061.026.189	97.329.181.248	97.329.181.248

Trong đó:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	84.658.331.230	84.658.331.230	17.456.359.860	17.456.359.860
Cộng	84.658.331.230	84.658.331.230	17.456.359.860	17.456.359.860

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
14.	Người mua trả tiền trước		
<i>a.</i>	<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	1.046.494.681.768	168.683.298.211
	- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	48.409.582.815	10.605.043.405
	- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	147.550.975.301	-
	- Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	77.568.909.957	-
	- Công ty TNHH xây dựng hạ tầng và cảnh quan Fanxipăng	162.368.101.154	-
	- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	166.120.097.234	-
	- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	7.877.129.852	26.417.839.928
	- Công ty Cổ phần Zeta EC (Cty TNHH TM XD và lắp đặt ZETA)	380.885.596.391	-
	- Công ty TNHH MTV GAMA	-	130.000.000.000
	- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại GAMMA	45.408.492.950	-
	- Công ty Cổ phần Foodinco Miền trung	9.751.841.079	-
	- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	553.955.035	1.660.414.878
<i>b.</i>	<i>Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	-	222.931.080.130
	- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng và Cảnh quan Fanxipăng	-	128.631.080.130
	- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	94.300.000.000
	Cộng	1.046.494.681.768	391.614.378.341
	Trong đó:		
	- Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	Cộng	147.550.975.301	-
		147.550.975.301	-
15.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	- Thuế giá trị gia tăng	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm
	- Thuế thu nhập cá nhân	3.986.901.357	-
	- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.852.539.208	-
		3.000.000	-
	Cộng	6.842.440.565	352.801.619

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	894.976.182	5.107.880.106
- Chi phí lãi vay	201.370.608	630.108.065
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	3.700.000.000
- Lãi trái phiếu dự trả	138.082.192	175.000.000
- Trích trước chi phí công trình	299.750.037	479.197.541
- Các khoản trích trước khác	255.773.345	123.574.500
b. Dài hạn	-	-
Cộng	894.976.182	5.107.880.106

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	1.027.821.515	1.352.492.998
- Kinh phí công đoàn	11.897.240	276.055.561
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.015.924.275	1.076.437.437
b. Dài hạn	153.132.500	153.132.500
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	153.132.500	153.132.500
Cộng	1.180.954.015	1.505.625.498

18. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	324.323.863	324.323.863
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	324.323.863	324.323.863
b. Dài hạn	-	-
Cộng	324.323.863	324.323.863

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	85.869.059.228	2.088.590.692.899
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	11.556.051.877	11.556.051.877
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	97.425.111.105	2.100.146.744.776
Số dư đầu năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	97.425.111.105	2.100.146.744.776
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.176.921.382	7.176.921.382
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	104.602.032.487	2.107.323.666.158

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100
Cộng	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hoá	842.476.074.098	757.280.522.169
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.821.882.316	5.328.229.913
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	90.464.270.891	151.723.169.574
Cộng	941.762.227.305	914.331.921.656

Trong đó

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	-	32.450.548.900

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	-	29.400.000
Cộng	-	29.400.000

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	836.868.561.582	739.896.055.134
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	775.888.951	4.715.611.365
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	58.730.894.168	142.773.838.816
- Dự phòng/hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(1.482.041.612)	(10.200.896)
Cộng	894.893.303.089	887.375.304.419

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.988.053	9.834.210
- Lãi bán các khoản đầu tư	1.664.862.353	2.514.640.280
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.500.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	25.716	-
Cộng	5.172.876.122	2.524.474.490

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	30.660.694.485	5.401.799.653
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	31.382	384.537
- Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(7.500.603.373)	(2.847.865.238)
- Chi phí tài chính khác	-	15.416.667
Cộng	23.160.122.494	2.569.735.619

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thưởng, hỗ trợ	32.570.651	105.379.257
- Xử lý công nợ không phải trả	2.391.039.282	-
- Các khoản khác	54.099.127	33.890.514
Cộng	2.477.709.060	139.269.771

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí phạt và nộp chậm tiền thuế	59.161.370	25.560.000
- Các khoản khác	57.078.467	4.588.925
Cộng	116.239.837	30.148.925

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	22.468.440.138	11.487.055.958
- Chi phí nhân viên quản lý	12.881.726.067	8.698.052.649
- Chi phí đồ dùng văn phòng	40.023.738	24.092.251
- Chi phí khấu hao TSCĐ	340.815.046	3.846.478
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	1.330.839	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.965.821.142	1.231.464.021
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.235.723.306	1.526.600.559
b. Chi phí bán hàng phát sinh	1.597.785.547	3.947.969.119
- Chi phí nhân viên	1.371.796.227	2.151.700.947
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.316.360	8.646.360
- Chi phí khấu hao TSCĐ	11.994.240	5.997.120
- Chi phí thuê kho và văn phòng	-	1.280.019.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.745.689	481.472.256
- Chi phí khác bằng tiền	5.933.031	20.133.436
Cộng	24.066.225.685	15.435.025.077

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	16.001.200.095	10.849.753.596
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	352.809.286	9.843.598
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.448.050.555	150.911.626.843
- Chi phí khác bằng tiền	5.254.485.015	1.582.472.606
- Chi phí dự phòng	1.330.839	-
Cộng	138.057.875.790	163.353.696.643

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Phí phát hành trái phiếu phải trả ghi giảm trực tiếp vào giá trị trái phiếu phát hành	-	3.684.583.333
Phí phát hành trái phiếu phân bổ vào giá trị trái phiếu	1.850.000.004	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Các nghiệp vụ trọng yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Minh Nhật – ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
Bán cổ phiếu	212.143.568.824	-
Tiền thu từ bán cổ phiếu	176.940.700.000	-
Bà Đỗ Thị Minh Anh - ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		
Bán cổ phiếu	212.143.568.824	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng		
+ Ông Nguyễn Minh Nhật	36.035.300.000	-
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	212.976.000.000	-
Cộng nợ phải thu	249.011.300.000	-
Vay ngắn hạn		
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	260.770.000
Cộng nợ phải trả	260.770.000	260.770.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt có phát sinh thu nhập trong năm như sau:

	Chức vụ	Tiền lương, thưởng, thù lao
Năm nay		
Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch HĐQT	788.400.000
Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 08/8/2022 đến ngày 20/02/2023)	328.200.000
Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc (đến ngày 23/6/2022)	1.040.600.000
Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	471.200.000
Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng	577.481.633
Cộng		3.205.881.633

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Chức vụ	Tiền lương, thưởng, thù lao
Năm trước		
Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch HĐQT	787.800.000
Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên HĐQT	327.600.000
Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	1.040.000.000
Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	470.600.000
Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng	455.000.000
Cộng		3.081.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty là cổ đông chiếm 66% vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	Công ty là cổ đông chiếm 59,10% vốn chủ sở hữu

Các nghiệp vụ trọng yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	32.450.548.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	-	32.450.548.900

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác ngắn hạn	-	11.839.000.000
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	9.072.000.000
Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	-	2.767.000.000
Phải thu khác dài hạn	325.000.000.000	375.431.230.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	-	50.431.230.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	325.000.000.000	325.000.000.000
Cộng nợ phải thu	325.000.000.000	387.270.230.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	84.658.331.230	17.456.359.860
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	67.201.971.370	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	17.456.359.860	17.456.359.860
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	147.550.975.301	-
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	147.550.975.301	-
Cộng nợ phải trả	232.209.306.531	17.456.359.860

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**03. Các sai sót**

Công ty điều chỉnh khoản chuyển tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên Văn hóa Mường Hoa năm trước do sai sót kế toán. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	386.408.281.217	358.934.931.217	(27.473.350.000)
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>260.778.861.085</i>	<i>233.305.511.085</i>	<i>(27.473.350.000)</i>
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	39.319.220.500	11.845.870.500	(27.473.350.000)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.491.186.147.072	2.518.659.497.072	27.473.350.000
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	<i>50.431.230.000</i>	<i>375.431.230.000</i>	<i>325.000.000.000</i>
4. Phải thu dài hạn khác	216	50.431.230.000	375.431.230.000	325.000.000.000
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>2.439.150.199.395</i>	<i>2.141.623.549.395</i>	<i>(297.526.650.000)</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	1.965.165.847.297	1.667.639.197.297	(297.526.650.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.877.594.428.289	2.877.594.428.289	-
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>				
<i>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(85.880.401.768)	(383.407.051.768)	(297.526.650.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>42.638.993.060</i>	<i>(254.887.656.940)</i>	<i>(297.526.650.000)</i>
<i>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(644.966.650.000)	(347.440.000.000)	297.526.650.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(264.365.183.971)</i>	<i>33.161.466.029</i>	<i>297.526.650.000</i>

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc. Trong đó, một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại do sai sót kế toán (chi tiết xem thuyết minh VIII.03).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Minh Khôi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh

Tổng Giám đốc



M.S.D.N: 0900... O.C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
ALPHANAM
H. VĂN LÂM, T. HƯNG YÊN

Nguyễn Minh Nhật



T. H. H.



T. H. H.